

ỨNG DỤNG MÔ HÌNH CẤU TRÚC TUYẾN TÍNH ĐÁNH GIÁ QUAN ĐIỂM CỦA NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ VỀ VAI TRÒ CỦA CÁN BỘ ĐỊA CHÍNH ĐỐI VỚI CƠ HỘI TIẾP CẬN ĐẤT ĐAI TẠI HUYỆN AN LÃO, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Trần Thị Phương^{1*}, Phạm Thị Hằng², Bùi Thị Diệu Hiền², Nguyễn Thị Hải¹,
Nguyễn Hữu Ngự¹

¹Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế;

²Trường Đại học Quy Nhơn.

*Tác giả liên hệ: tranthiphuong@huaf.edu.vn

Nhận bài: 19/06/2024 Hoàn thành phản biện: 30/07/2025 Chấp nhận bài: 31/07/2025

TÓM TẮT

Nghiên cứu này kiểm định mối quan hệ giữa vai trò của cán bộ địa chính đối với cơ hội tiếp cận đất đai theo quan điểm đánh giá của người dân tộc Bana và H'rê tại huyện An Lão, tỉnh Bình Định. Mô hình phương trình cấu trúc tuyến tính (SEM), phương pháp bình phương tối thiểu một phần (PLS) được sử dụng để kiểm định mô hình SEM, kết hợp khảo sát định lượng 299 hộ dân tộc Bana và H'rê và phỏng vấn định tính 10 người có kinh nghiệm tại khu vực nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu cho thấy vai trò của cán bộ địa chính có tác động đáng kể đến cơ hội tiếp cận đất đai của đồng bào DTTS ($\beta = 0,334$; $t = 7,160$; $p < 0,01$). Đặc biệt, cán bộ địa chính được đánh giá cao nhờ sự am hiểu phong tục tập quán, có khả năng giao tiếp bằng tiếng dân tộc và kiến thức pháp lý phù hợp. Tuy nhiên, khó khăn về năng lực công nghệ thông tin và khối lượng công việc lớn cũng ảnh hưởng đến hiệu quả hỗ trợ người dân. Nghiên cứu đã đề xuất được một số giải pháp nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ địa chính cấp xã, nhằm tăng cường cơ hội tiếp cận đất đai của đồng bào dân tộc thiểu số.

Từ khóa: Cơ hội tiếp cận đất đai, Dân tộc thiểu số, Mô hình cấu trúc tuyến tính, Vai trò của cán bộ địa chính

APPLICATION OF LINEAR STRUCTURAL ANALYSIS MODEL TO ASSESS ETHNIC MINORITY PERSPECTIVES ON THE ROLE OF CADASTRAL OFFICERS LAND ACCESS OPPORTUNITIES IN AN LAO DISTRICT, BINH DINH PROVINCE

Tran Thi Phuong^{1*}, Pham Thi Hang², Bui Thi Dieu Hien², Nguyen Thi Hai¹,
Nguyen Huu Nguy¹

¹University of Agriculture and Forestry, Hue University;

²Quy Nhon University.

*Corresponding author: tranthiphuong@huaf.edu.vn

Received: 19/06/2024 Revised: 30/07/2025 Accepted: 31/07/2025

ABSTRACT

This study examined the relationship between the role of commune-level cadastral officers and land access opportunities from the perspective of Bana and H're ethnic minority communities in An Lao district, Binh Dinh province. The study applies Partial Least Squares Structural Equation Modeling (PLS-SEM) to analyze data from a survey of 299 Bana and H're ethnic minority households, complemented by qualitative interviews with 10 experienced informants in the study area. The findings reveal that the role of cadastral officers significantly influences land access opportunities for ethnic minority groups ($\beta = 0.334$; $t = 7.160$; $p < 0.01$). Notably, these officers are highly valued for their understanding of local customs and traditions, their ability to communicate in minority languages, and their adequate legal knowledge. However, limitations in information technology skills and a heavy administrative workload have impeded the effectiveness of their support for local residents. The study

proposes solutions to strengthen the capacity of commune-level cadastral officers, with the aim of enhancing land access opportunities for ethnic minority communities.

Keywords: Land access opportunities, Ethnic minority, Partial least squares structural equation modeling, Role of land officers

1. MỞ ĐẦU

Ở Việt Nam, Nhà nước chủ trương phân cấp mạnh mẽ cho chính quyền địa phương quản lý đất đai thông qua pháp luật, trong đó với sự đề cao vai trò của chính quyền cấp cơ sở tại các xã, phường, thị trấn đã góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng đất đai. Với vai trò quan trọng của chính quyền cấp cơ sở, cán bộ địa chính cấp xã là những người trực tiếp làm việc với người sử dụng đất, tiếp xúc và giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn quản lý và sử dụng đất (Sang, 2022). Cán bộ địa chính cấp xã là lực lượng nòng cốt trong công tác quản lý đất đai tại địa phương (Quý và cs., 2024). Trong quá trình bảo vệ quyền lợi của người sử dụng đất, cán bộ địa chính đóng vai trò quan trọng khi thực thi pháp luật đất đai, là cầu nối giữa chính quyền và người dân, là đại diện cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ quản lý và bảo vệ đất đai. Theo Thông tư số 06/2012/TT-BNV ban hành ngày 30/10/2012 của Bộ Nội vụ về việc "*Hướng dẫn về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã*", chức năng nhiệm vụ của cán bộ địa chính được quy định tại điều 06, trong đó có nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ và thẩm tra để xác nhận nguồn gốc, hiện trạng, đăng ký và sử dụng đất đai.

An Lão là huyện vùng cao và là huyện nghèo duy nhất của tỉnh Bình Định. Trên địa bàn huyện có 12 dân tộc thiểu số cùng sinh sống, chiếm tỉ lệ trên 70% dân số, trong đó chủ yếu là đồng bào dân tộc Bana và H'rê (chiếm trên 90% tổng số người dân tộc thiểu số tại địa phương). Sinh kế chính

của đồng bào dân tộc Bana và H'rê là sản xuất nông, lâm nghiệp, nhưng đời sống của họ còn gặp nhiều khó khăn do việc tiếp cận đất đai còn hạn chế (Ủy ban nhân dân huyện An Lão, 2024). Dân tộc Bana và dân tộc H'rê chủ yếu tiếp cận đất đai qua giao đất ở, đất sản xuất theo các chương trình, chính sách hỗ trợ của Nhà nước và thông qua việc nhận thừa kế, tặng cho, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, do rào cản về ngôn ngữ, kiến thức pháp lý hạn chế và không am hiểu các thủ tục hành chính nên đồng bào dân tộc Bana và H'rê rất cần sự hỗ trợ của cán bộ địa chính. Kết quả điều tra khảo sát tại huyện An Lão đến năm 2024 cho thấy: 100% cán bộ địa chính là người Kinh đã được đào tạo và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc, nhờ đó việc giao tiếp, tư vấn pháp luật đất đai với đồng bào dân tộc thiểu số trở nên thuận lợi hơn, đồng thời tạo được niềm tin của cộng đồng dân tộc thiểu số trong quá trình thực thi công tác quản lý đất đai. Bên cạnh đó, huyện An Lão cũng tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong lĩnh vực này, với 95% cán bộ địa chính có trình độ chuyên môn - nghiệp vụ đạt chuẩn và có kinh nghiệm thực tiễn. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cũng chỉ ra rằng hạn chế về kỹ năng tin học và trang thiết bị lạc hậu vẫn là những yếu tố gây khó khăn trong công việc. Trong khi yêu cầu công việc đòi hỏi cán bộ địa chính phải thường xuyên cập nhật hệ thống văn bản pháp luật đất đai, xử lý khối lượng công việc lớn và các thủ tục hành chính phức tạp, điều này ảnh hưởng nhất định đến khả năng hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số trong việc thực hiện quyền tiếp cận đất đai. Từ thực tế khảo sát trên, nghiên cứu này được triển khai nhằm đánh giá quan điểm của người Bana và H'rê về vai trò của

2.2.2. Phương pháp thu thập số liệu, tài liệu

2.2.2.1. Phương pháp thu thập số liệu, tài liệu thứ cấp

Các số liệu thứ cấp có liên quan gồm: hồ sơ nhân sự cán bộ địa chính (số lượng, cơ cấu dân tộc, trình độ, chứng chỉ tiếng dân tộc, thâm niên), báo cáo tình hình phát triển kinh tế xã hội, hệ thống văn bản pháp luật, chương trình chính sách và các nghiên cứu học thuật trong - ngoài nước phục vụ xây dựng thang đo. Nguồn số liệu được thu thập tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện An Lão (nay gọi là Phòng Kinh tế), Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, Phòng Dân tộc (nay gọi là Phòng Văn hóa) và UBND các xã/thị trấn trên địa bàn huyện (nay là UBND các xã). Thang đo 2 khái niệm nghiên cứu trong mô hình đề xuất gồm vai trò cán bộ địa chính, cơ hội tiếp cận đất đai được xây dựng trên cơ sở tổng quan các văn bản pháp lý như Hiến pháp 2013, Luật Đất đai năm 2024, Quyết định số 1719/QĐ-TTg; các tài liệu trong nước như Phạm Thị Kim (Cương, 2022), (Bùi Thị Diệu Hiền và Hằng, 2022) và các tài liệu nước ngoài như Ellis và Allison (2004); Hayward, (2021); Young và Sing'Oei (2011); Henderson, Corral, Simning, và Winters (2015); Henry, Murphy, và Cowie (2018); Hertel (2017), tham vấn người có kinh nghiệm nhằm sàng lọc, điều chỉnh ngôn ngữ phù hợp bối cảnh An Lão.

2.2.2.2. Phương pháp thu thập số liệu thứ cấp

- Phương pháp phỏng vấn người dân

Để thu thập các đánh giá của đồng bào dân tộc Bana và H'rê tại huyện An Lão về vai trò của cán bộ địa chính đối với việc tiếp cận đất đai nghiên cứu thực hiện phỏng vấn các hộ gia đình, cá nhân dân tộc Bana và dân tộc H'rê đã thực hiện tiếp cận đất đai trên địa bàn huyện bằng bảng hỏi đã được soạn sẵn. Cỡ mẫu điều tra được tính dựa trên công thức tính kích thước mẫu của

Slovin (1984): $n = N/(1+N.e^2)$. Trong đó: n : Số mẫu phải điều tra; N : Tổng số cá thể; e : Độ chính xác. Với tổng số hộ đồng bào dân tộc Bana và H'rê trên địa bàn huyện An Lão là 3.382 hộ và độ chính xác $e = 0,1$, nhóm nghiên cứu xác định được số mẫu tối thiểu phải phỏng vấn là 97 mẫu. Tuy nhiên, theo Cohen (1992) cỡ mẫu khảo sát chính thức càng lớn so với yêu cầu về cỡ mẫu tối thiểu thì sẽ giảm được các sai lệch trong quá trình thu thập dữ liệu khảo sát và giúp tăng cường độ tin cậy của kết quả nghiên cứu. Vì vậy, nhóm nghiên cứu thực hiện khảo sát 299 mẫu ngẫu nhiên đại diện cho các hộ đã tiếp cận đất đai tại địa phương.

- Phương pháp tham vấn người có kinh nghiệm

Để thực hiện nghiên cứu, nhóm tác giả đã tham vấn 10 cán bộ địa chính cấp xã, 05 chủ tịch/phó chủ tịch hiện đang công tác tại 05 xã/thị trấn thuộc huyện An Lão, gồm: Thị trấn An Lão và các xã: An Vinh, An Dũng, An Trung và An Hưng. Nội dung tham vấn tập trung vào xây dựng thang đo gắn với thực tiễn địa phương, đồng thời khai thác thông tin về thực trạng tiếp cận đất đai của đồng bào dân tộc thiểu số và vai trò của cán bộ địa chính trong quá trình này. Để bảo đảm tính khách quan, kết quả tham vấn được sử dụng như một kênh thông tin bổ trợ, được so sánh và đối chiếu với kết quả khảo sát hộ dân và dữ liệu thống kê chính thức từ các cơ quan chuyên môn. Ngoài ra, ý kiến từ nhiều nhóm đối tượng khác nhau (cán bộ địa chính và lãnh đạo xã) giúp loại bỏ thiên lệch thông tin. Kết quả tham vấn giúp nhóm nghiên cứu xác định rõ thực tiễn tiếp cận đất đai của đồng bào dân tộc H'rê và Bana cũng như làm rõ vai trò của cán bộ địa chính đối với cơ hội tiếp cận đất đai, từ đó là cơ sở quan trọng để hình thành và hiệu chỉnh thang đo trong mô hình nghiên cứu đề xuất.

2.2.2.3. Phương pháp đánh giá quan điểm bằng sử dụng thang đo Likert

Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả sử dụng thang đo Likert (Likert và Rensis, 1932) với 2 thang đo được đưa ra để đánh giá mức độ đồng ý của đồng bào dân tộc thiểu số tham gia khảo sát về các nhận định trong cơ hội tiếp cận đất đai và các khẳng định về vai trò của cán bộ địa chính đối với cơ hội tiếp cận đất đai của đồng bào dân tộc thiểu số tại khu vực nghiên cứu. Mỗi biến quan sát được thiết kế trả lời với 5 mức độ đánh giá, tương ứng với 5 điểm, cụ thể: 1: Hoàn toàn không đồng ý; 2: Không đồng ý; 3: không có ý kiến; 4: Đồng ý; 5: Hoàn toàn đồng ý. Giá trị điểm đánh giá của mỗi biến quan sát (n) là giá trị trung bình chung theo đánh giá của các đối tượng được phỏng vấn, là số bình quân gia quyền của số lượng người trả lời theo từng mức độ.

Mức độ đồng ý của của đồng bào dân tộc thiểu số tham gia khảo sát được xác định theo thang đánh giá chung là: Hoàn toàn không đồng ý: $m \leq 1,80$; Không đồng ý: $1,80 < m \leq 2,60$; 3: không có ý kiến: $2,60 < m \leq 3,40$; Đồng ý: $3,40 < m \leq 4,20$; Hoàn toàn đồng ý: $4,20 < m \leq 5,00$ với m là số điểm quy đổi (Đoàn Thị Thu Hương, 2017).

2.2.3. Phương pháp phân tích, xử lý số liệu

- Phương pháp thống kê mô tả bằng phần mềm SPSS

Tất cả dữ liệu sau khi điều tra khảo sát được nhập vào bảng tính phần mềm Excel phiên bản 2013, sau đó được xử lý bằng phần mềm SPSS 26.0. Dữ liệu định lượng được thể hiện bằng phương pháp mô tả thống kê đơn giản như số lượng, phần trăm, giá trị trung bình.

- Phương pháp bình phương tối thiểu một phần PLS-SEM

Nhóm tác giả sử dụng phương pháp bình phương tối thiểu một phần PLS-SEM trong phần mềm Smart PLS 3 để thực hiện

kiểm định mô hình SEM - mô hình thể hiện mối quan hệ của vai trò CBĐC và cơ hội tiếp cận đất đai của đồng bào dân tộc thiểu số. Kết quả xử lý dữ liệu bằng PLS-SEM giúp kiểm định và xác định mối quan hệ tác động của vai trò cán bộ địa chính đối với cơ hội tiếp cận đất đai của đồng bào dân tộc thiểu số tại khu vực nghiên cứu.

Có nhiều phương pháp thống kê dành cho các nhà nghiên cứu. Do đó, việc biết kỹ thuật phù hợp có thể là một thách thức. Khi xem xét mô hình phương trình cấu trúc (SEM), có hai lựa chọn giữa phương pháp dựa trên hiệp phương sai (CB-SEM) và phương pháp dựa trên phương sai bình phương nhỏ nhất một phần (PLS-SEM). Tuy nhiên, mô hình phương trình cấu trúc bình phương tối thiểu từng phần (PLS-SEM) là một trong những phương pháp phân tích dữ liệu đa biến được sử dụng rộng rãi nhất vì nhiều nghiên cứu cho thấy khi sử dụng CB-SEM, nhiều chỉ số bị loại bỏ để đạt được độ phù hợp chấp nhận được khi so sánh với PLS-SEM. Ngoài ra, khi so sánh phương sai được giải thích trong các chỉ số biến phụ thuộc, PLS-SEM tốt hơn đáng kể so với CB-SEM. Vì vậy, trong nghiên cứu này, nhóm tác giả thực hiện phân tích dữ liệu theo phương pháp dựa trên phương sai bình phương nhỏ nhất một phần (PLS-SEM) khi phân tích mô hình SEM (Hair và cs, 2017). Ngoài ra, theo Hair và cs. (2017), phần mềm SmartPLS được sử dụng để lập mô hình phương trình cấu trúc dựa trên phương sai (SEM) với phương pháp lập mô hình đường dẫn bình phương nhỏ nhất từng phần (PLS). Sử dụng phần mềm SmartPLS 3, trong bài báo này, nhóm tác giả đã kiểm định giả thuyết trong mô hình nghiên cứu. Giả thuyết H: Vai trò của cán bộ địa chính (VTCB) có tác động cùng chiều dương đến cơ hội tiếp cận đất đai của đồng bào dân tộc thiểu số (CHTC). Mô hình nghiên cứu đề xuất được thể hiện ở Hình 2:

**Hình 2.** Mô hình nghiên cứu

Thang đo gồm 9 biến với 2 nhóm nhân tố gồm: Cơ hội tiếp cận đất đai và vai trò cán bộ địa chính trong việc tạo cơ hội tiếp cận đất đai của đồng bào dân tộc thiểu số được xây dựng trên cơ sở tổng quan

các văn bản pháp lý tại Việt Nam, tổng quan các công trình nghiên cứu tại Việt Nam, trên thế giới và tham vấn người có kinh nghiệm. Chi tiết thang đo được thể hiện tại Bảng 1.

Bảng 1. Thang đo các biến trong mô hình nghiên cứu

Thang đo	Căn cứ hình thành thang đo
Thang đo Cơ hội tiếp cận đất đai (CHTC)	
Cơ hội tiếp cận đất đai của đồng bào dân tộc thiểu số ngày càng được mở rộng (CHTC1)	Luật Đất đai năm 2024, Quyết định số 1719/QĐ-TTg.
Cơ hội tiếp cận đất đai của đồng bào dân tộc thiểu số không có sự phân biệt nam nữ (CHTC2)	Hiến pháp 2013, Luật Đất đai 2024
Nâng cao cơ hội tiếp cận đất đai của đồng bào dân tộc thiểu số góp phần nâng cao sinh kế đồng bào dân tộc thiểu số (CHTC3)	(Ellis và Allison, 2004; Hayward, 2021; Young và Sing'Oei, 2011)
Tích tụ, tập trung ruộng đất giúp tăng cơ hội tiếp cận đất đai (CHTC4)	(Henderson, Corral, Simning, và Winters, 2015)
Quyền tiếp cận đất đai góp phần đảm bảo việc sử dụng đất ổn định (CHTC5)	(Henry, Murphy, và Cowie, 2018; Hertel, 2017)
Thang đo vai trò cán bộ địa chính (VTCB)	
Cán bộ địa chính là cầu nối giữa chính quyền và đồng bào dân tộc thiểu số trong việc gia tăng cơ hội tiếp cận đất đai (VTCB1)	Phạm Thị Kim (Cương, 2022)
Cán bộ địa chính đóng vai trò tư vấn cho cộng đồng trong việc thực thi các chính sách pháp luật về tiếp cận đất đai (VTCB2)	Nhóm tác giả đề xuất trên cơ sở tham vấn người có kinh nghiệm
Cán bộ địa chính đóng vai trò quan trọng trong việc đưa chính sách, pháp luật đất đai liên quan đến giao đất, thực hiện quyền chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế quyền sử dụng đất đến với đồng bào dân tộc thiểu số (VTCB3)	Nhóm tác giả đề xuất trên cơ sở tham vấn người có kinh nghiệm
Cán bộ địa chính giúp đồng bào dân tộc thiểu số hiểu và thực thi các chủ trương, chính sách pháp luật của nhà nước liên quan đến giao đất, thực hiện quyền chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế quyền sử dụng đất trong tiếp cận đất đai (VTCB4)	(Bùi Thị Diệu Hiền và Hằng, 2022)

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đặc điểm của đối tượng khảo sát

Nghiên cứu thực hiện khảo sát 299 hộ đồng bào dân tộc thiểu số, thông tin được thể hiện tại Bảng 2. Số liệu ở Bảng 2 cho thấy có đến 72,91% người tham gia khảo sát có trình độ tiểu học, trong đó 37,12% là nữ giới và 35,79% là nam giới. Kiểm định chi bình phương trong SPSS được sử dụng trong nghiên cứu để đánh giá mối quan hệ

giữa giới tính và trình độ của người được tham gia phỏng vấn. Kết quả kiểm định Chi bình phương bằng phần mềm SPSS 26.0 cho thấy giá trị Chi-Square Tests là 0,419, lớn hơn 0,05, điều này có nghĩa là giữa giới tính và trình độ của hộ gia đình, cá nhân tham gia phỏng vấn không có mối quan hệ với nhau. Đặc điểm giới tính và trình độ giáo dục của đối tượng khảo sát được thể hiện chi tiết tại Bảng 2.

Bảng 2. Đặc điểm giới tính và trình độ giáo dục của đối tượng khảo sát

Giới tính		Trình độ															
		Tổng		Không biết chữ		Tiểu học		Trung học cơ sở		Trung học phổ thông		Trung cấp		Cao đẳng, đại học		Sau đại học	
				Số hộ	Tỷ lệ %	Số hộ	Tỷ lệ %	Số hộ	Tỷ lệ %	Số hộ	Tỷ lệ %	Số hộ	Tỷ lệ %	Số hộ	Tỷ lệ %	Số hộ	Tỷ lệ %
Nữ	148	7	2,34	111	37,12	14	4,68	11	3,68	1	0,33	4	1,34	0	0,0		
Nam	151	6	2,01	107	35,79	23	7,69	9	3,01	4	1,34	2	0,67	0	0,0		
Tổng	299	13	4,35	218	72,91	37	12,37	20	6,69	5	1,67	6	2,01	0	0,0		

Tỉ lệ số người không biết chữ chiếm 4,35% tổng số người được phỏng vấn (trong đó có 2,34% là nữ và 2,01% là nam). Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số có trình độ cao đẳng, đại học chỉ chiếm 2,01% và không có hộ nào có trình độ sau đại học. Trình độ thấp cũng ảnh hưởng đáng kể đến nguồn thu nhập của các hộ đồng bào dân tộc thiểu số tham gia khảo sát. Trong 299 hộ tham gia khảo sát có 82,94% tổng số hộ có thu nhập chủ yếu đến từ hoạt động nông nghiệp và chỉ có 17,06% số hộ có thu nhập từ hoạt động kinh doanh, làm thuê, và làm công nhân viên chức. Ngoài ra, để xem xét sự khác biệt về thu nhập giữa các hộ gia đình, các nhân đồng bào dân tộc thiểu số được điều tra có nghề nghiệp khác nhau, nhóm

tác giả thực hiện kiểm định One-way ANOVA bằng phần mềm SPSS. Kết quả cho thấy giá trị Sig kiểm định Levene là 0,028, nhỏ hơn 0,05, điều này cho thấy có sự khác biệt phương sai giữa các nhóm nghề nghiệp, vì vậy nhóm tác giả sẽ sử dụng kết quả kiểm định Welch. Giá trị Sig kiểm định Welch là 0,031, nhỏ hơn 0,05, điều này có nghĩa là có sự khác biệt trung bình về thu nhập giữa các nhóm nghề nghiệp khác nhau. Như vậy, có khác biệt về thu nhập giữa các hộ gia đình cá nhân được điều tra với các ngành nghề khác nhau. Thông tin về nghề nghiệp, thu nhập của hộ gia đình, cá nhân tham gia khảo sát được trình bày cụ thể tại Bảng 3.

Bảng 3. Thông tin về nghề nghiệp, thu nhập hộ gia đình, cá nhân tham gia khảo sát

Đơn vị: 1.000 đồng

Nghề nghiệp	Số hộ (hộ)	Thu nhập trung bình	Thu nhập cao nhất	Thu nhập thấp nhất
Nông nghiệp	248	7.158,27	15.600,00	2.200,00
Kinh doanh buôn bán	13	5.723,08	8.800,00	2.200,00
Làm thuê	30	6.580,00	13.600,00	4.000,00
Công nhân viên chức	8	8.587,50	12.000,00	6.600,00

Bảng 3 cho thấy thu nhập trung bình của các hộ gia đình tham gia khảo sát từ 5.723.080 đồng/tháng đến 8.587.500 đồng/tháng. Mức thu nhập cao nhất là các hộ làm công nhân viên chức, với mức thu nhập trung bình là 8.587.500 đồng/tháng, thu nhập thấp nhất từ kinh doanh buôn bán, chỉ 5.723.080 đồng/tháng. Trong đó, các hộ kinh doanh buôn bán chủ yếu quy mô nhỏ

lẻ, bán các sản phẩm phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày, do đó thu nhập hạn chế. Trong khi đó, thu nhập từ hoạt động nông nghiệp của hộ tham gia khảo sát trung bình là 7.158.270 đồng/tháng. Mức thu nhập này là thấp, do số thành viên bình quân của các hộ gia đình tham gia khảo sát là 6 - 8 người, trong đó từ 3 - 4 người có thu nhập, 3 - 4 người phụ thuộc (gồm con cái, và ông bà

lớn tuổi). Trong số 248 hộ có thu nhập từ hoạt động nông nghiệp, chỉ có 01 hộ duy nhất có thu nhập cao nhất là 15.600.000 đồng/tháng. Hộ gia đình này có đến 05 thành viên, trong đó có 03 thành viên có nguồn thu nhập chính từ hoạt động sản xuất nông nghiệp như trồng keo, cây ăn quả và hoa màu.

3.2. Vai trò của cán bộ địa chính và cơ hội tiếp cận đất đai của đồng bào dân tộc thiểu số huyện An Lão, tỉnh Bình Định

Theo kết quả khảo sát, tại huyện An Lão có 20 cán bộ địa chính đang công tác 09 xã và 01 thị trấn. Trong đó, có 02 xã là An Hòa và An Hưng có 03 cán bộ địa chính; thị trấn An Lão và 5 xã gồm An Quang, An Toàn, An Trung, An Dũng và An Vinh có 02 cán bộ địa chính; và 2 xã gồm An Tân và An Nghĩa chỉ có 01 cán bộ địa chính. Về trình độ học vấn, 100% cán bộ địa chính tại huyện đúng trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Tuy nhiên, chỉ có 95% cán bộ địa chính tốt nghiệp đại học và có 01 cán bộ địa chính tại xã An Dũng là người dân tộc thiểu số có trình độ trung cấp hiện đang học liên thông lên đại học để nâng cao trình độ chuyên môn. Tất cả các đơn vị hành chính cấp xã tại huyện An Lão đều có đồng bào dân tộc H'rê, Bana sinh sống, vì vậy, trong công tác tuyển dụng và đào tạo cán bộ địa chính, bên cạnh việc tuyển dụng 45% cán bộ địa chính có trình độ chuyên môn là người dân tộc thiểu số, tập trung tại 07/10 đơn vị hành

Đối với đồng bào dân tộc thiểu số tại khu vực nghiên cứu, cán bộ địa chính có vai trò then chốt trong việc nâng cao cơ hội tiếp

chính cấp xã, với 02 xã có 02/02 cán bộ địa chính là người dân tộc thiểu số (xã An Trung, xã An Dũng), 11 cán bộ địa chính người dân tộc Kinh trong quá trình công tác đã tham gia học tiếng dân tộc thiểu số và đã được cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số. Biết tiếng dân tộc và nắm được đặc điểm về văn hóa, luật tục của dân tộc Bana, H'rê tại huyện nên cán bộ địa chính thuận lợi trong quá trình tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật liên quan đến giao đất, tư vấn chuyển nhượng, tặng cho, để thừa kế quyền sử dụng đất và được các hộ dân tộc thiểu số tin tưởng liên hệ tư vấn. Trong quá trình tiếp xúc và giải quyết công việc, cán bộ địa chính đảm bảo thực hiện chức trách, nhiệm vụ, luôn học tập nâng cao trình độ, rèn luyện, bồi dưỡng và tích lũy kinh nghiệm công tác.

Tại khu vực nghiên cứu cho thấy, không có khác biệt về đánh giá vai trò của cán bộ địa chính đối với đối tượng khảo sát là nam và nữ đồng bào dân tộc thiểu số. Sử dụng kiểm định Independent-Samples T Test cho thấy giá trị Sig kiểm định F bằng 0,111 > 0.05, điều này cho thấy không có sự khác biệt phương sai giữa hai nhóm nam và nữ, nghiên cứu sẽ sử dụng kết quả kiểm định t ở hàng Equal variances assumed. Sig kiểm định t bằng 0,102 > 0.05, như vậy không có sự khác biệt trung bình F_VTCB của đồng bào DTSS tham gia phỏng vấn có giới tính khác nhau.

cận đất đai của đồng bào dân tộc thiểu số (Bảng 4).

Bảng 4. Vai trò của cán bộ địa chính trong việc nâng cao cơ hội tiếp cận đất đai của đồng bào dân tộc thiểu số

Vai trò cán bộ địa chính	Giá trị trung bình
Là cầu nối giữa chính quyền và đồng bào dân tộc thiểu số trong việc gia tăng cơ hội tiếp cận đất đai (VTCB1)	3,99
Đóng vai trò tư vấn cho cộng đồng trong việc thực thi các chính sách pháp luật về tiếp cận đất đai (VTCB2)	3,95
Đóng vai trò quan trọng trong việc đưa chính sách, pháp luật của Nhà nước vào cuộc sống của đồng bào các dân tộc thiểu số (VTCB3)	4,01
Giúp đồng bào dân tộc thiểu số hiểu và thực thi các chủ trương, chính sách pháp luật của nhà nước trong tiếp cận đất đai (VTCB4)	3,88

Bảng 4 cho thấy 100% hộ gia đình, cá nhân đồng bào dân tộc thiểu số tham gia khảo sát đồng ý rằng: cán bộ địa chính có vai trò quan trọng trong việc nâng cao cơ hội tiếp cận đất đai của đồng bào (giá trị Mean từ 3,88 đến 4,01). Trong đó, vai trò lớn nhất của cán bộ địa chính trong công tác quản lý đất đai theo đánh giá của đồng bào dân tộc thiểu số H'rê và Bana tham gia khảo sát là việc đưa chính sách, pháp luật đất đai đến với đồng bào dân tộc thiểu số (giá trị Mean 4,01) (Bảng 4). Cụ thể, cán bộ địa chính tham gia phổ biến các chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất nông nghiệp cho đồng bào dân tộc Bana, H'rê tại huyện, hướng dẫn trình tự, thủ tục giao đất và tham gia bàn giao đất cho họ trên thực địa. Mặt khác, đối với các hộ dân tộc thiểu số có nhu cầu chuyển quyền sử dụng đất, cán bộ địa chính tại địa phương đã hướng dẫn trình tự thủ tục chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế quyền sử dụng đất và hỗ trợ đồng bào trong quá trình thực hiện các hợp đồng giao dịch chuyển quyền sử dụng đất. Nhiều trường hợp đồng bào dân tộc thiểu số không nắm rõ quy định của pháp luật về việc hạn chế thực hiện quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong thời hạn 10 năm sau khi nhận đất theo các chính sách hỗ trợ về đất đai, cán bộ địa chính luôn nhắc nhở đồng bào về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với thửa đất. Bên cạnh đó, cán bộ địa chính là cầu nối giữa chính quyền và đồng bào dân tộc thiểu

số trong việc gia tăng cơ hội tiếp cận đất đai, đóng vai trò tư vấn cho cộng đồng trong việc thực thi các chính sách pháp luật về tiếp cận đất đai và giúp đồng bào dân tộc thiểu số hiểu và thực thi các chủ trương, chính sách pháp luật trong tiếp cận đất đai (giá trị Mean lần lượt là 3,99; 3,95; và 3,88). Trong công tác quản lý đất đai tại địa phương, cán bộ địa chính phần lớn là người dân địa phương, trong đó 45% là người dân tộc thiểu số, am hiểu về phong tục tập quán, tín ngưỡng của các dân tộc thiểu số tại huyện. Cán bộ địa chính là người tư vấn cho các hộ dân tộc thiểu số trong quá trình giao đất, chuyển nhượng, để thừa kế quyền sử dụng đất, góp phần quan trọng trong quá trình tiếp cận đất đai.

Cơ hội tiếp cận của đồng bào dân tộc thiểu số tại khu vực nghiên cứu được thể hiện chi tiết tại bảng 6. Kết quả tại bảng 5 cho thấy: 100% hộ gia đình, cá nhân đồng bào H'rê và Bana tham gia khảo sát đồng ý rằng cơ hội tiếp cận đất đai của đồng bào dân tộc thiểu số ngày càng được mở rộng thông qua các chương trình, chính sách của Nhà nước (giá trị Mean là 4,08). Mặt khác, việc tập trung ruộng đất giúp tăng cơ hội tiếp cận đất đai cho đồng bào dân tộc thiểu số (giá trị Mean là 3,84). Quyền tiếp cận đất đai đóng vai trò quan trọng góp phần đảm bảo việc sử dụng đất ổn định, góp phần nâng cao sinh kế đồng bào dân tộc thiểu số tại huyện An Lão (giá trị Mean là 3,85 và 3,52).

Bảng 5. Đánh giá cơ hội tiếp cận của đồng bào dân tộc thiểu số tại khu vực nghiên cứu

Cơ hội tiếp cận của đồng bào dân tộc thiểu số	Giá trị trung bình (Mean)
Cơ hội tiếp cận đất đai của đồng bào dân tộc thiểu số ngày càng được mở rộng (CHTC1)	4,08
Cơ hội tiếp cận đất đai của đồng bào dân tộc thiểu số không có sự phân biệt nam nữ (CHTC2)	3,61
Nâng cao cơ hội tiếp cận đất đai của đồng bào dân tộc thiểu số góp phần nâng cao sinh kế cho họ (CHTC3)	3,52
Việc tập trung ruộng đất giúp tăng cơ hội tiếp cận đất đai (CHTC4)	3,84
Quyền tiếp cận đất đai góp phần đảm bảo việc sử dụng đất ổn định (CHTC5)	3,85

Đáng chú ý, các cơ hội tiếp cận đất đai là bình đẳng giữa nam và nữ cho đồng bào dân tộc Bana và dân tộc H'rê tại huyện An Lão, nghiên cứu cho thấy không có khác biệt về cơ hội tiếp cận đất đai đối với đối tượng khảo sát là nam và nữ đồng bào dân tộc thiểu số. Điều này được thể hiện qua Kiểm định Independent-Samples T Test, cụ thể giá trị_Sig kiểm định F bằng 0,061 > 0,05, điều này cho thấy không có sự khác biệt phương sai giữa hai nhóm nam và nữ, đồng thời giá trị Sig kiểm định t bằng 0,958 > 0,05, như vậy không có sự khác biệt trung bình F_CHTC của đồng bào dân tộc thiểu số tham gia phỏng vấn với giới tính khác nhau.

3.3. Thang đo và đánh giá thang đo

Nghiên cứu đã sử dụng phương pháp phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính SEM để kiểm định mối quan hệ giữa vai trò của

cán bộ địa chính đối với cơ hội tiếp cận đất đai theo quan điểm đánh giá của người dân tộc Bana và dân tộc H'rê. Theo (Hair và cs, 2017) khi đánh giá mô hình đo lường dạng kết quả trên Smart PLS, cần thực hiện đánh độ tin cậy, tính hội tụ và tính phân biệt của các thang đo, do vậy nghiên cứu đã thực hiện đánh giá các tiêu chí này.

a. Đánh giá độ tin cậy thang đo

Theo nghiên cứu của Hair và cs. (2017) và Dijkstra và Henseler (2015) thì thang đo có độ tin cậy khi hệ số Cronbach's alpha, độ tin cậy tổng hợp (CR) và hệ số rhoA có giá trị từ 0,700 trở lên. Như vậy, cả 3 giá trị đánh giá thang đo của nghiên cứu gồm hệ số Cronbach's alpha, độ tin cậy tổng hợp (CR) và hệ số rhoA có giá trị từ 0,865 đến 0,916, đảm bảo độ tin cậy của thang đo (Bảng 6).

Bảng 6. Kết quả đánh giá độ tin cậy thang đo

Thang đo	Cronbach's Alpha	rho_A	CR
Cơ hội tiếp cận đất đai	0,865	0,909	0,897
Vai trò của cán bộ địa chính	0,878	0,882	0,916

b. Đánh giá giá trị hội tụ thang đo

Bảng 7 cho thấy hệ số tải của các biến quan sát có giá trị từ 0,719 đến 0,855, cao hơn mức 0,50 theo đề xuất của tác giả Hulland (1999). Đồng thời, tất cả các giá

trị cũng đạt yêu cầu với mức ý nghĩa thống kê 1% (giá trị t từ 13,111 đến 41,538). Phương sai trích bình quân (AVE) của tất cả các biến tiềm ẩn trong mô hình đều đạt kết quả tốt (>0,500). Như vậy, có thể kết luận rằng thang đo đảm bảo giá trị hội tụ.

Bảng 7. Kết quả đánh giá giá trị hội tụ thang đo

Thang đo	Hệ số tải	Giá trị t
CHTCDD (CR=0,897; AVE=0,636)		
CHTC1	0,823	34,012
CHTC2	0,719	13,111
CHTC3	0,737	14,745
CHTC4	0,843	36,837
CHTC5	0,855	35,662
VTCB (CR=0,916; AVE=0,732)		
VTCB1	0,880	41,538
VTCB2	0,849	26,603
VTCB3	0,851	27,884
VTCB4	0,842	30,278

Tại huyện An Lão, cơ hội tiếp cận đất đai của đồng bào dân tộc thiểu số ngày càng được mở rộng thông qua việc được Nhà nước giao đất hoặc đồng bào nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhận tặng cho, nhận thừa kế quyền sử dụng đất ($t=34,012$). Đồng bào dân tộc thiểu số tại huyện An Lão đánh giá việc thực hiện chính sách tập trung ruộng đất sẽ mở thêm cơ hội tiếp cận đất đai, thể hiện qua các hình thức tập trung đất nông nghiệp để tổ chức sản xuất thông qua quá trình chuyển đổi quyền sử dụng đất đối với đất nông nghiệp, thuê quyền sử dụng đất từ các hộ dân tộc thiểu số và các hình thức nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhận tặng cho, nhận thừa kế quyền sử dụng đất ($t=36,837$). Với các hình thức tiếp cận đất đai đa dạng đã góp phần giúp đồng bào dân tộc thiểu số sử dụng đất ổn định ($t=35,662$), đồng thời góp phần cải thiện sinh kế cho đồng bào dân tộc thiểu số ($t=14,745$). Đáng lưu ý, mặc dù dân tộc H'rê và dân tộc Bana tại huyện An Lão theo chế độ phụ hệ, tuy nhiên, trong tiếp cận đất đai, các hộ được phỏng vấn đánh giá cơ hội TCĐĐ của đồng bào dân tộc thiểu số không có sự phân biệt giữa nam và nữ ($t=13,111$), cho thấy những kỳ vọng của các đối tượng được phỏng vấn về vấn đề bình đẳng trong tiếp cận đất đai theo giới.

Cán bộ địa chính đóng vai trò quan trọng trong hệ thống cơ quan nhà nước ở cơ

sở (Cao Anh Đô và cs., 2018). Trong tiếp cận đất đai, cán bộ địa chính thể hiện rõ vai trò là cầu nối giữa chính quyền và đồng bào dân tộc thiểu số trong việc gia tăng cơ hội tiếp cận đất đai thể hiện qua việc tư vấn cho các hộ về các hình thức tiếp cận đất đai từ Nhà nước và từ các đối tượng sử dụng đất ($t=41,538$). Trong quá trình thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai, cán bộ địa chính đã kết nối với từng hộ đồng bào dân tộc thiểu số, tuyên truyền, vận động họ thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật về đất đai gắn với đặc điểm cụ thể trong quá trình sử dụng đất của mỗi hộ. Mặt khác, thông qua quá trình thực thi pháp luật đất đai tại địa phương, cán bộ địa chính đóng vai trò tư vấn cho cộng đồng trong việc thực thi các chính sách pháp luật về tiếp cận đất đai, thể hiện qua việc giải thích, tư vấn cụ thể về từng trường hợp sử dụng đất, quyền lợi của các hộ dân tộc thiểu số trong quá trình sử dụng đất cũng như những hỗ trợ của Nhà nước đối với đồng bào dân tộc thiểu số trong quá trình sử dụng đất và nhận được sự tín nhiệm của cộng đồng này ($t=26,603$). Việc tư vấn của cán bộ địa chính đã giúp đồng bào dân tộc thiểu số hiểu và thực thi các chủ trương, chính sách pháp luật của nhà nước trong tiếp cận đất đai ($t=30,278$). Nhờ đó, cán bộ địa chính được đánh giá đóng vai trò quan trọng trong việc đưa chính sách, pháp luật đất đai đến

với đồng bào các dân tộc thiểu số, giúp đồng bào dân tộc thiểu số hiểu và thực thi các chủ trương, chính sách pháp luật của nhà nước trong tiếp cận đất đai ($t=27,884$).

c. Đánh giá giá trị phân biệt thang đo

Kết quả phân tích dữ liệu bằng phần mềm Smart PLS 3 sử dụng tiêu chí Fornell Larcker (Fornell và Larcker, 1981) để đánh giá

Bảng 8. Kết quả đánh giá giá trị phân biệt thang đo

	Cơ hội tiếp cận đất đai	Vai trò cán bộ địa chính
Giá trị căn bậc hai của phương sai trích AVE khi đánh giá bằng tiêu chí Fornell and Larcker		
Cơ hội tiếp cận đất đai (CHTC)	0,798	
Vai trò của cán bộ địa chính (VTCB)	0,334	0,856
Hệ số phóng đại phương sai (VIF)		
Cơ hội tiếp cận đất đai (CHTC)		
Vai trò của cán bộ địa chính (VTCB)	1,000	

Kết quả kiểm định mô hình cấu trúc giúp xác định rõ mối quan hệ và mức độ tác động của các biến nghiên cứu trong mô hình. Kết quả phân tích dữ liệu bằng phần mềm Smart PLS 3 tại bảng 10 cho thấy các giá trị VIF bên trong của từng mối quan hệ phát sinh giữa các biến nghiên cứu trình bày trong mô hình đề xuất là $1 < 5$, cho thấy không có vấn đề về đa cộng tuyến trong nghiên cứu này theo đề xuất của Hair và cs. (2017).

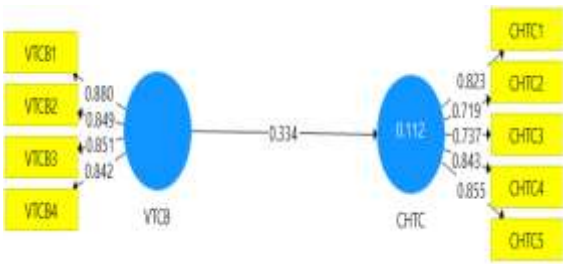
3.4. Đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến cơ hội tiếp cận đất đai của đồng bào dân tộc thiểu số huyện An Lão, tỉnh Bình Định

Kết quả kiểm định cho thấy hệ số R^2 điều chỉnh của biến Cơ hội tiếp cận đất đai là 0,112 (Hình 3) $> 0,1$, điều này chứng tỏ mô hình nghiên cứu đề xuất có mức độ phù hợp với dữ liệu thu thập được (Hair Joseph F và Hult G Tomas M, 2017). Độ lớn của các giả thuyết trong mô hình nghiên cứu được đánh giá thông qua hệ số đường dẫn β (Hình 3) và mức độ đảm bảo ý nghĩa thống kê của từng đường dẫn trong mô hình cấu trúc được thể hiện thông qua giá trị t -

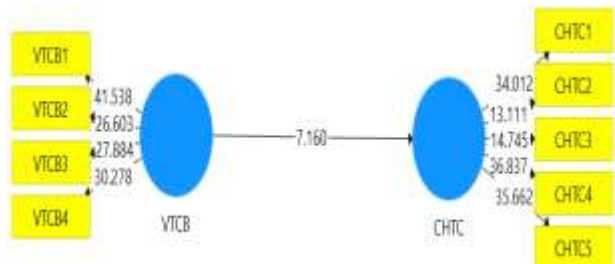
giá trị phân biệt của thang đo cho thấy: Căn bậc hai của AVE của biến cơ hội tiếp cận đất đai là 0,798; Căn bậc hai của AVE của biến vai trò cán bộ địa chính là 0,856; Giá trị hệ số tương quan giữa biến CHTC và VTCB là 0,334 (Bảng 8). Như vậy, căn bậc hai AVE lớn hơn hệ số tương quan, điều này chứng tỏ thang đo có giá trị phân biệt.

value (Hình 4). Hệ số đường dẫn β càng lớn thể hiện mức độ tác động càng mạnh, hệ số đường dẫn β giao động từ -1 đến 1.

Thông qua mô hình đánh giá tác động của vai trò cán bộ địa chính đến cơ hội tiếp cận đất đai của đồng bào dân tộc thiểu số, kết quả nghiên cứu cho thấy tại huyện An Lão, sự tác động của cán bộ địa chính đến cơ hội tiếp cận đất đai của đồng bào dân tộc thiểu số có mức ý nghĩa thống kê cao. Điều này được thể hiện qua giá trị t -value về tác động của cán bộ địa chính đến cơ hội tiếp cận đất đai của đồng bào dân tộc thiểu số là 7,160 (Hình 4) $> 2,57$, đảm bảo mức ý nghĩa thống kê 1%. Đồng thời hệ số $\beta_{VTCB \rightarrow CHTC} = 0,334$ (Hình 3) cho thấy tác động của vai trò cán bộ địa chính đến cơ hội tiếp cận đất đai của đồng bào dân tộc thiểu số là tác động thuận chiều dương. Như vậy, tăng cường vai trò của cán bộ địa chính thông qua việc chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ sẽ là giải pháp hiệu quả nhằm nâng cao cơ hội tiếp cận đất đai của đồng bào dân tộc thiểu số.



Hình 3. Kết quả phân tích PLS Algorithm



Hình 4. Kết quả phân tích Bootstrap 5000 lần

Kết quả định lượng phù hợp với nhận diện từ tham vấn cán bộ và phản hồi người dân: cán bộ địa chính mạnh về hiểu biết văn hoá – ngôn ngữ - pháp lý nhưng gặp hạn chế do khối lượng thủ tục lớn, dữ liệu địa chính chưa số hoá đầy đủ và kỹ năng công nghệ thông tin còn yếu. Trên cơ sở kết hợp kết quả mô hình, tham vấn cán bộ và dữ liệu quản lý, nghiên cứu đề xuất các nhóm giải pháp dưới đây nhằm củng cố tác động tích cực của cán bộ địa chính lên cơ hội tiếp cận đất đai của đồng bào Bana và H’rê.

Đề nâng cao cơ hội tiếp cận đất đai của đồng bào dân tộc thiểu số tại huyện An Lão, cần tập trung vào 5 nhóm giải pháp. *Thứ nhất*, đẩy mạnh số hóa hồ sơ và cơ sở dữ liệu địa chính, bảo đảm dữ liệu thửa đất của hộ dân tộc thiểu số được cập nhật đầy đủ và tra cứu thuận tiện. *Thứ hai*, nâng cao kỹ năng công nghệ thông tin cho cán bộ địa chính thông qua các khóa bồi dưỡng nghiệp vụ số, sử dụng thành thạo phần mềm quản lý đất đai và công cụ hỗ trợ người dân. *Thứ ba*, đơn giản hóa quy trình, giảm tải thủ tục hành chính và thiết lập các lịch tiếp dân chuyên đề, giúp rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ cho người dân. *Thứ tư*, phát huy thế mạnh am hiểu văn hóa - ngôn ngữ của cán bộ địa chính bằng việc xây dựng tài liệu hướng dẫn song ngữ (H’rê - Việt, Bana - Việt), tờ rơi, infographic và truyền thông qua loa thôn. *Thứ năm*, tăng cường phối hợp với người có uy tín trong cộng đồng, kết hợp hỗ trợ các hộ dân tộc thiểu số nghèo về đo đạc, trích lục và hoàn thiện hồ sơ, qua đó nâng cao niềm tin và khả năng tiếp cận đất đai cho đồng bào.

4. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng cán bộ địa chính tại huyện An Lão phần lớn là người dân địa phương, có 95% cán bộ địa chính tốt nghiệp đại học đúng chuyên ngành, 45% cán bộ địa chính là người dân tộc thiểu số và 100% cán bộ địa chính người Kinh đã học và được cấp chứng chỉ tiếng dân tộc, am hiểu về phong tục tập quán, tín ngưỡng của các dân tộc thiểu số tại huyện đã tạo sự thuận lợi cho cán bộ địa chính trong quá trình tư vấn, phổ biến pháp luật đất đai, góp phần giúp đồng bào dân tộc thiểu số tăng cơ hội tiếp cận đất đai. Mặt khác, mô hình nghiên cứu đã khẳng định cán bộ địa chính có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy và nâng cao cơ hội tiếp cận đất đai của đồng bào dân tộc thiểu số. Kết quả nghiên cứu đánh giá mối quan hệ tác động giữa vai trò cán bộ địa chính đến cơ hội tiếp cận đất đai của đồng bào dân tộc thiểu số bằng việc ứng dụng mô hình cấu trúc tuyến tính (PLS-SEM) cho thấy mối quan hệ tác động có mức ý nghĩa cao 1%, thể hiện qua giá trị t value = 7,160. Bên cạnh đó, vai trò cán bộ địa chính tác động tới 11,2% đến cơ hội tiếp cận đất đai của đồng bào dân tộc thiểu số (giá trị R^2 điều chỉnh là 0,112), cho thấy việc nâng cao vai trò của cán bộ địa chính đóng góp 11,2% trong các nhân tố tác động đến cơ hội tiếp cận đất đai của đồng bào dân tộc thiểu số tại huyện An Lão. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất 5 giải pháp trọng tâm: đẩy mạnh số hóa cơ sở dữ liệu địa chính; bồi dưỡng kỹ năng công nghệ thông tin cho cán bộ địa chính; đơn

giản hóa thủ tục và tăng cường tiếp dân chuyên đề; phát huy lợi thế văn hóa – ngôn ngữ trong truyền thông song ngữ; và phối hợp với người uy tín cùng hỗ trợ hộ dân tộc thiểu số nghèo về hồ sơ đất đai. Những phát hiện này là cơ sở khoa học cho các bộ, ngành tiếp tục hoàn thiện chính sách nhằm kiện toàn, nâng cao năng lực và vai trò của cán bộ địa chính, qua đó thúc đẩy cơ hội tiếp cận đất đai cho đồng bào dân tộc thiểu số tại huyện An Lão.

LỜI CẢM ƠN

Nhóm tác giả cảm ơn Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tài trợ kinh phí nghiên cứu cho đề tài: “Nghiên cứu mối quan hệ giữa quyền tiếp cận và sử dụng đất nông nghiệp của cộng đồng người dân tộc thiểu số với biến đổi khí hậu ở miền Trung Việt Nam” mã số B2024-DHH-06. Kết quả của bài báo thuộc đề tài nghiên cứu trên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tài liệu tiếng Việt

- Bộ Nội vụ. (2012). *Thông tư số 06/2012/TT-BNV của Bộ Nội Vụ về việc Hướng dẫn về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã*. Khai thác từ <https://thuvienphapluat.vn/>.
- Chính phủ. (2023). *Nghị định 33/2023/NĐ-CP Quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố*. Khai thác từ <https://thuvienphapluat.vn/>.
- Phạm Thị Kim Cương. (2022). Phát triển đội ngũ cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số ở cấp xã hiện nay. *Tạp chí Quản lý nhà nước*, 313(2/2022), 59-63.
- Cao Anh Đô, Cao Minh Công và Nguyễn Thị Tố Uyên. (2018). *Chính sách, giải pháp đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số: phân tích từ thực tế vùng Tây Bắc Việt Nam*. Hà Nội: NXB Lý luận chính trị.
- Bùi Thị Diệu Hiền, Phạm Thị Hằng (2022). Đánh giá tình hình quản lý nhà nước đối với đất đai thông qua việc thực thi pháp luật về giao đất, giao rừng cho đồng bào dân tộc thiểu số huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định. *Tạp chí Khoa học Đất*, (67/2022), 207-213.

Đoàn Thị Thu Hương. (2017). *Phát triển nguồn nhân lực trong các trường Đại học, Cao đẳng ngoài công lập Việt Nam hiện nay*. Luận án Tiến sĩ kinh tế, Viện Chiến lược phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Lê Ngọc Phương Quý, Dương Thị Thu Hà, Lê Đình Huy, Trần Trọng Tấn, Nguyễn Thị Hải, Tôn Nữ Tuyết Trinh, Nguyễn Việt Linh, Phạm Hữu Ty và Trần Thị Kiều My. (2024). Thực trạng năng lực kiến thức cán bộ địa chính cấp xã trong quản lý đất đai tại huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế. *Hue University Journal of Science: Agriculture and Rural Development*, 133(3B), 111-123.

Thái Xuân Sang. (2022). Những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp cận từ thể chế hành chính. *Tạp chí Quản lý nhà nước*, (323), 64-69.

Ủy ban nhân dân huyện An Lão. (2024). Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội huyện An Lão năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025.

2. Tài liệu tiếng nước ngoài

- Ab, H., Mohd, R., Sami, W., & Sidek, MH. M., (2017). *Discriminant validity assessment: Use of Fornell & Larcker criterion versus HTMT criterion*. Paper presented at the Journal of physics: Conference series.
- Cohen, J. (1992). Quantitative methods in psychology: A power primer. *Psychol. Bull.*, 112(1), 155-159. DOI: 10.1037/0033-2909.112.1.155.
- Deininger, K., Augustinus, C., Enemark, S., & Munro-Faure, P. (2010). *Innovations in land rights recognition, administration, and governance*. World Bank Publications.
- Ellis, F., & Allison, E., (2004). Livelihood diversification and natural resource access. *Overseas Development Group, University of East Anglia*.
- Fornell, C. & Larcker, D. F. (1981). Structural equation models with unobservable variables and measurement error: Algebra and statistics. *Journal of Marketing Research*, 18 (3), 1-23. DOI: 10.2307/3150980.
- Garforth, C., Angell, B., Archer, J., & Green, K. (2003). Fragmentation or creative diversity? Options in the provision of land management advisory services. *Land use policy*, 20(4), 323-333. DOI: 10.1016/S0264-8377(03)00035-8.
- Hang, P.T., Hai, N.T., LThuy, P.T., Huyen, N.T., & Ngu, N.H. (2024). *Assessment of the*

- impact of ethnic minorities' capacity in Binh Dinh province, Vietnam, to access land and exercise land use rights by application of linear structure model (PLS-SEM)*. Paper presented at the IOP Conference Series: Earth and Environmental Science.
- Hair Jr., Joe, F., Matthews, Lucy M., Matthews, Ryan L., & Sarstedt, M. (2017). PLS-SEM or CB-SEM: updated guidelines on which method to use. *International Journal of Multivariate Data Analysis*, 1(2), 107-123.
- Hair, J. F., Hult, G. T. M., Ringle, C. M., & Sarstedt, M. (2014). *A Primer on Partial Least Squares Structural Equation Modeling (PLS-SEM)*. USA: SAGE Publications.
- Hair, J. F., Hult, G. T. M., Ringle, C. M., & Sarstedt, M. (2017). *A Primer on Partial Least Squares Structural Equation Modeling (PLS-SEM)* (2nd ed.). USA: SAGE Publications.
- Hair, J. F., Hult, G. T. M., Ringle, C. M., & Sarstedt, M. (2022). *A Primer on Partial Least Squares Structural Equation Modeling (PLS-SEM)* (3rd ed.). USA: SAGE Publications.
- Hayward, D. (2021). *Marginalised people's land rights and access: ethnic minorities, the poor and women*. Paper presented at the Mekong Land Research forum. RCSD.
- Heath, H., Leonardo, C., Eric, S., & Paul, W., (2015). Land accumulation dynamics in developing country agriculture. *The Journal of Development Studies*, 51(6), 743-761.
- Beverley, H., Brian, M., & Annette, C., (2018). Sustainable land management for environmental benefits and food security. *A synthesis report for the GEF*. Washington DC, USA, 127.
- Henseler, J., Ringle, C. M., & Sarstedt, M. (2015). A new criterion for assessing discriminant validity in variance-based structural equation modeling. *Journal of the Academy of Marketing Science*, 43(1), 115-135.
- Hertel, T. W., (2017). Land use in the 21st century: contributing to the global public good. *Review of Development Economics*, 21(2), 213-236.
- Hossain, M. (2015). *Improving land administration and management in Bangladesh*. Final Report has been prepared for the General Economics Division of the Planning Commission to serve as a background study for preparing 7 th Five Year Plan (2016-2020). Bangladesh Institute of Development Studies (BIDS), Dhaka.
- Hoyle, R.H. (1995). *Structural equation modeling: Concepts, issues, and applications*: Sage.
- Hulland, J. S. (1999). The effects of country-of-brand and brand name on product evaluation and consideration: A cross-country comparison. *Journal of International Consumer Marketing*, 11(1), 23-40. DOI: 10.1300/J046v11n01_03.
- Likert, R. (1932). A Technique for the Measurement of Attitudes. *Archives of Psychology*, 22, 5-52.
- Slovins, M. B., & Sushka, M. E., (1984). A note on the evidence on alternative models of the banking firm: A cross section study of commercial loan rates. *Journal of Banking & Finance*, 8(1), 99-108.
- Young, Laura A., & Sing'Oei, K. (2011). *Land, livelihoods and identities: Inter-community conflicts in East Africa*: Citeseer.